

A CLOSER LOOK 2 UNIT 10 TRANG 50 SGK ANH 9

1. Look at the timeline and put the verbs in brackets (Nhìn vào dòng thời gian và đặt động từ trong ngoặc ở thì đúng)

1. Fruit flies (be sent) _____ into space before Laika the dog (make) _____ her space journey.
2. By the time Laika (become) _____ the first astronaut dog, fruit flies already (be launched) _____ into space.
3. Gagarin (fly) _____ into space eight years before Armstrong (walk) _____ on the moon.
4. When the USA (put) _____ the first human on the moon, Russia already (send) _____ the first human into space.
5. When Virgin Galactic (establish) _____ in 2004, Dennis Tito already (travel) _____ into space as a tourist.

Hướng dẫn giải

1. had been sent; made.
2. became; had (already) been launched
3. had flown; walked.
4. put; had (already) sent.
5. was established; had (already) travelled.

Hướng dẫn dịch

1. Ruồi giấm đã được đưa vào không gian trước khi chó Laika thực hiện chuyến du hành không gian của nó.
2. Vào lúc chó Laika trở thành chú chó du hành đầu tiên, ruồi giấm đã được phóng vào không gian rồi.
3. Gagarin đã bay vào không gian 8 năm trước khi Armstrong đi bộ trên mặt trăng.
4. Khi nước Mỹ đưa con người đầu tiên đến mặt trăng, Nga đã đưa người đầu tiên vào không gian rồi.
5. Khi Virgin Galactic được thành lập vào năm 2004, Dennis Tito đã đi vào không gian như một du khách rồi.

2. Had these moments already happened when the following *(Có phải những khoảnh khắc này đã xảy ra khi những người sau đây được sinh ra? Thêm ngày sinh còn trống vào khung, sau đó chọn một sự kiện từ dòng thời gian. Hỏi và trả lời những câu hỏi về sự kiện đó với bạn cùng học.)*

Mr Phuong, born in 1941

Thu, born in 1997.

Your teacher, born in _____.

You, born in _____.

Example:

Had Gagarin already travelled into space when Thu was born?

Yes, he had.

Had the first space tourist Dennis Tito already flown into space when our teacher was born?

No, he hadn't.

Hướng dẫn giải

1. **A:** Had you already been born when the Russian space dog Laika became the first animal to orbit Earth in a spacecraft named Sputnik 2?

B: No, I hadn't.

2. **A:** Had the American astronaut Neil Amstrong become the first human to walk on the moon when Mr Phuong was born?

B: He had.

3. **Complete the following sentences with/without a relative pronoun.** (*Hoàn thành những câu sau với một đại từ quan hệ / hoặc không có đại từ quan hệ*)



1. This is the astronaut _____ visited our school last week.
2. This is the village _____ Helen Sharman, the first British astronaut, was born.
3. Can you talk more about the parabolic flights _____ you took for your training?
4. This is the museum _____ has some of the best rock collections in the country.
5. We'll explore inland Sweden and visit the summer house _____ Carin and Ola have built themselves.
6. This is the year _____ the first human walked on the moon.

Hướng dẫn giải

1. who/that	2. where	3. which/ that/ it	4. which/that	5. which/ that/ it	6. when
-------------	----------	--------------------	---------------	--------------------	---------

Hướng dẫn dịch

1. Đây là nhà du hành đã thăm trường ta vào tuần vừa rồi.
 2. Đây là ngôi làng nơi Helen Sharman, nhà du hành người Anh đầu tiên, sinh ra.
 3. Bạn có thể nói nhiều hơn về chuyến bay tạo môi trường không trọng lực mà bạn đã tham gia huấn luyện không?
 4. Đây là viện bảo tàng có vài bộ sưu tập đá tốt nhất của quốc gia.
 5. Chúng ta sẽ khám phá vùng nội địa của Thụy Điển và thăm ngôi nhà mùa hè mà Carin và Ola đã tự xây.
 6. Đây là năm mà con người đầu tiên đi bộ trên mặt trăng.
- 4. Combine each pair of sentences into one, using the prompts provided. (Kết hợp mỗi cặp câu thành một câu, sử dụng gợi ý đã cho.)**

-
1. The class watched a film yesterday. The film was about the Apollo 13 space mission.
→ The film _____.
 2. We read about an astronaut. The astronaut travelled into space in 1961.
→ We read about _____.
 3. This is the man. He works for NASA.
→ This is the man _____.
 4. The team plays on the left. The team has never won the championship.
→ The team _____.
 5. This article describes a ground-breaking space mission to land on a comet. The mission is called Rosetta.
→ The ground-breaking space mission _____.
 6. The Rosetta mission has a task. The task is comparable to a fly trying to land on a speeding bullet.
→ The task _____.

Hướng dẫn giải

1. The film which/that/X the class watched yesterday was about the Apollo 13 space mission.
2. We read about an astronaut who travelled into space in 1961.
3. This is the man who works for NASA.
4. The team who/that plays on the left has never won the championship.
5. The ground-breaking space mission which/that/X this article describes is called Rosetta.
6. The task which/that/X the Rosetta mission has is comparable to a fly trying to land on a speeding bullet.

5. In pairs, use the information from the timeline to (*Theo cặp, sử dụng thông tin từ dòng thời gian để nói về một người, một vật hay một khoảnh khắc nào đó trong lịch sử khám phá không gian. Không đề cập chính xác tên để bạn kia phải đoán.*)

Hướng dẫn giải

1. **A:** What kind of fly was the first animal launched into space in an American rocket?

B: It's fruit flies.

2. **A:** What's the name of the cosmonaut, who was the first human in space?

B: He is Yuri Gagarin.

3. **A:** How long did the training take Dennis to become the first space tourist?

B: 900 hours of training.